

DANH MỤC CÁC THỬA ĐẤT THỰC HIỆN ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND xã Phong Thổ)

STT	Tên đường/phố	Địa chỉ	Tờ bản đồ	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Mã đất	Ghi chú
1	Phố Trần Can	Tổ dân phố Hữu Nghi, xã Phong Thổ	84	11	140,0	ONT	
2	Phố Trần Can	Tổ dân phố Hữu Nghi, xã Phong Thổ	84	12	140,0	ONT	
3	Phố Trần Can	Tổ dân phố Hữu Nghi, xã Phong Thổ	90	47	105,0	ONT	
4	Phố Trần Can	Tổ dân phố Hữu Nghi, xã Phong Thổ	90	35	105,0	ONT	
5	Đường Võ Nguyên Giáp (QL12)	Tổ dân phố Hữu Nghi, xã Phong Thổ	87	100	125,7	ONT	
6	Đường Võ Nguyên Giáp (QL12)	Tổ dân phố Hữu Nghi, xã Phong Thổ	87	101	106,0	ONT	
7	Đường Võ Nguyên Giáp (QL12)	Tổ dân phố Hữu Nghi, xã Phong Thổ	87	102	106,0	ONT	
8	Phố đi bộ	Tổ dân phố Pa So, xã Phong Thổ	95	117	105,0	ONT	
9	Phố đi bộ	Tổ dân phố Pa So, xã Phong Thổ	95	118	104,9	ONT	
10	Phố đi bộ	Tổ dân phố Pa So, xã Phong Thổ	95	119	105,0	ONT	
11	Đường Điện Biên Phủ (QL12)	Tổ dân phố Pa So, xã Phong Thổ	94	20	107,8	ONT	
12	Đường Điện Biên Phủ (QL12)	Tổ dân phố Pa So, xã Phong Thổ	94	21	106,3	ONT	
13	Đường Điện Biên Phủ (QL12)	Tổ dân phố Pa So, xã Phong Thổ	94	22	105,7	ONT	
14	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghi, xã Phong Thổ	88	2	100,0	ONT	

STT	Tên đường/phố	Địa chỉ	Tờ bản đồ	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Mã đất	Ghi chú
15	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ	88	3	100,0	ONT	
16	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ	88	4	100,0	ONT	
17	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ	88	5	100,0	ONT	
18	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ	88	6	100,0	ONT	
19	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ	88	7	100,0	ONT	
20	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ	88	8	100,0	ONT	
21	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ	88	9	100,0	ONT	
22	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ	88	10	100,0	ONT	
23	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ	88	11	100,0	ONT	
24	Phố Tô Vĩnh Diện	Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Phong Thổ	88	12	100,0	ONT	
	Tổng cộng				2562,4		